

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Helio Energy thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Helio Energy.

- Mã chứng khoán: HIO.
- Địa chỉ: Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: (024)3 226 3333 Fax:.....
- Email: info@helioenergy.vn Website: https://helioenergy.vn.

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2025:
 - ☐ BCTC riêng (CTĐC không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc).
 - ☒ BCTC hợp nhất (CTĐC có công ty con).
 - ☐ BCTC tổng hợp (CTĐC có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán ...):

☐ Có

☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có

☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không



- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/03/2026 tại đường dẫn <https://helioenergy.vn>.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025;
- Công văn số 14/2026/CV-HIO về việc Giải trình biến động kết quả SXKD BCTC hợp nhất năm 2025.

Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền công bố thông tin



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Tuấn Dương



CÔNG TY CỔ PHẦN
HELIO ENERGY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14./2026/CV-HIO

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026.

V/v: Giải trình biến động kết quả
SXKD BCTC hợp nhất năm 2025

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ký ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Căn cứ theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ký ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) có mã chứng khoán là HIO xin giải trình với Quý Ủy Ban, Quý Sở về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	So sánh cùng kỳ	
				Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.078.760.980	13.554.717.154	(7.524.043.826)	(35,69)%

Trong năm 2025, Công ty ghi nhận Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp lãi 13.554.717.154 đồng, giảm 7.524.043.826 đồng tương ứng giảm 35,69% so với năm 2024, do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 9.688.080.851 đồng so với năm 2024, trong đó phần lớn là do sự sụt giảm của doanh thu bán điện.

- Chi phí tài chính giảm 7.065.389.180 đồng chủ yếu do việc thanh toán một phần nợ gốc vay hàng kỳ giúp cho chi phí lãi vay của Công ty giảm so với năm trước.

- Thu nhập khác giảm 5.408.129.111 đồng so với năm 2024, nguyên nhân chênh lệch chủ yếu do trong năm 2024 Công ty đã ghi nhận một khoản thu nhập khác đến từ việc một số công ty con của Công ty thực hiện thanh lý, nhượng bán một số tài sản.



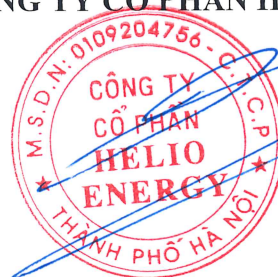
Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban và Quý Sở được biết về tình hình biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY



CHỦ TỊCH HĐQT
Phan Thành Đạt



Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 45

Công ty Cổ phần Helio Energy

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 ngày 26 tháng 7 năm 2025.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Phan Thành Đạt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Helio Energy

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.



TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Người đại diện theo pháp luật cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Người đại diện theo pháp luật cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Theo ý kiến của Người đại diện theo pháp luật, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người đại diện theo pháp luật



Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2026

0920
ÔNG
Ô PH
IEL
VEI
PH



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13664222/E-68672455 - HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Helio Energy

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") và các công ty con được lập ngày 18 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Người đại diện theo pháp luật cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1

Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		39.579.595.048	105.993.229.700
110	I. Tiền	5	13.951.804.186	32.285.088.317
111	1. Tiền		13.951.804.186	32.285.088.317
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		13.731.886.917	58.065.335.289
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	13.054.158.180	42.101.975.734
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	637.086.353	1.733.424.554
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	152.916.488	14.229.935.001
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(112.274.104)	-
140	III. Hàng tồn kho		33.010.909	150.025.270
141	1. Hàng tồn kho		33.010.909	150.025.270
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		11.862.893.036	15.492.780.824
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	2.647.978.013	1.489.634.180
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		9.214.915.023	14.003.146.644
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		407.998.541.176	399.489.278.117
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.982.800.000	8.093.600.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	10.982.800.000	8.093.600.000
220	II. Tài sản cố định		293.415.048.481	338.421.065.888
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	293.415.048.481	338.421.065.888
222	Nguyên giá		484.452.101.846	493.147.313.989
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(191.037.053.365)	(154.726.248.101)
230	III. Bất động sản đầu tư	10	23.753.941.807	26.148.857.519
231	1. Nguyên giá		35.093.712.424	35.093.712.424
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(11.339.770.617)	(8.944.854.905)
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	11	66.385.078.617	19.894.526.437
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		20.385.078.617	19.894.526.437
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		46.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		13.461.672.271	6.931.228.273
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	7	10.281.072.502	2.359.207.205
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	1.172.976.038	2.371.647.573
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		103.929.812	-
269	4. Lợi thế thương mại	12	1.903.693.919	2.200.373.495
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		447.578.136.224	505.482.507.817

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		181.734.678.001	251.591.176.763
310	I. Nợ ngắn hạn		75.770.451.604	76.098.051.571
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	2.434.359.599	1.466.893.671
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.098.072.770	4.905.339.186
314	3. Phải trả người lao động		1.027.067.747	389.500.000
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	2.395.303.287	3.411.125.007
318	5. Doanh thu chưa thực hiện		69.750.000	73.250.000
320	6. Vay ngắn hạn	17	66.475.600.000	65.617.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	1.270.298.201	234.943.707
330	II. Nợ dài hạn		105.964.226.397	175.493.125.192
338	1. Vay dài hạn	17	105.757.205.058	175.143.705.058
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	25.3	207.021.339	349.420.134
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		265.843.458.223	253.891.331.054
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	265.843.458.223	253.891.331.054
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		210.000.000.000	210.000.000.000
420	2. Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu		8.415.375.558	8.331.664.665
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		47.428.082.665	35.559.666.389
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		33.873.365.511	14.480.905.409
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		13.554.717.154	21.078.760.980
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		447.578.136.224	505.482.507.817

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2026


Đỗ Thị Trang
Người lập biểu


Lê Thị Trang
Kế toán trưởng


Phan Thanh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị 

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	109.611.227.676	119.299.308.527
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	19	109.611.227.676	119.299.308.527
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	68.948.346.468	67.237.104.406
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		40.662.881.208	52.062.204.121
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		32.191.523	993.709.167
22	7. Chi phí tài chính	21	15.799.585.200	22.864.974.380
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		15.427.819.997	22.337.945.816
24	8. Lãi trong công ty liên kết	11	490.552.180	619.237.588
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	9.111.253.198	7.941.121.990
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]		16.274.786.513	22.869.054.506
31	12. Thu nhập khác	23	347.753.310	5.755.882.421
32	13. Chi phí khác	23	247.288.431	1.237.241.547
40	14. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]	23	100.464.879	4.518.640.874
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		16.375.251.392	27.387.695.380
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	1.764.261.498	9.134.799.445
52	17. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	25	1.056.272.740	(2.825.865.045)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		13.554.717.154	21.078.760.980
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		13.554.717.154	21.078.760.980
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	645	923
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	645	923

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2026


Đỗ Thị Trang
Người lập biểu


Lê Thị Trang
Kế toán trưởng


Phan Thanh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		16.375.251.392	27.387.695.380
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại		42.256.313.211	44.844.339.874
03	Các khoản dự phòng		112.274.104	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(486.705.246)	(6.529.437.730)
06	Chi phí lãi vay	21	15.427.819.997	22.337.945.816
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		73.684.953.458	88.040.543.340
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		17.612.362.979	(7.328.142.378)
10	Giảm hàng tồn kho		13.084.549	387.069.911
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		152.862.570	(3.792.999.670)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(9.296.094.016)	764.935.499
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.495.045.970)	(22.971.016.818)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.404.694.192)	(6.162.425.661)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(570.938.081)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		62.267.429.378	48.367.026.142
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		25.245.000.000	6.545.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(46.000.000.000)	(4.273.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.155.994.968	22.800.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		32.191.523	985.914.026
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(15.566.813.509)	26.057.914.026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		64.684.316.852	204.740.227.106
34	Tiền trả nợ gốc vay		(129.718.216.852)	(264.179.405.786)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(65.033.900.000)	(59.439.178.680)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(18.333.284.131)	14.985.761.488
60	Tiền đầu năm		32.285.088.317	17.299.326.829
70	Tiền cuối năm	5	13.951.804.186	32.285.088.317

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2026


Đỗ Thị Trang
Người lập biểu


Lê Thị Trang
Kế toán trưởng


Phan Thanh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 ngày 26 tháng 7 năm 2025.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 47 người (ngày 1 tháng 1 năm 2025 là 40 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 25 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp và 5 công ty liên kết gián tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2025: 26 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp và 5 công ty liên kết gián tiếp). Hoạt động chính trong năm hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau:

Các công ty con trực tiếp:

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Thuận Nam, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
5	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
6	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
7	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
8	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
9	Công ty TNHH KCP Energy	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
10	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	Thôn 23, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Các công ty con trực tiếp: (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</i>	<i>Địa chỉ</i>
11	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	Thôn 23, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
12	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
14	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
15	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
16	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
17	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	Số nhà 46, Thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
18	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	Thôn 5, Xã Ea Khăl, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
19	Công ty TNHH Solar Việt	100%	Thôn 5, Xã Ea Khăl, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
20	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	Thôn 2, Xã Ea Ning, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
21	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	Thôn 2, Xã Ea Ning, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
22	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
23	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
24	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
25	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đền, Xã Đăk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Các công ty con gián tiếp:

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	100%	Thôn Rừng Lạnh, Xã Đắc Song, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
2	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	100%	Số 34, Ngõ 214, Đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	100%	Xóm 8, Thôn Đồng Tâm, Xã Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH Duy Đình Solar	100%	Thôn 7, Xã Trường Xuân, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
5	Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	100%	Số 5C, Ngách 445/10, Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
6	Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	100%	Thôn 1, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
7	Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	100%	Số 8, Ngõ 1126, Đường Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Các công ty liên kết gián tiếp

STT	Công ty	Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Địa chỉ
1	Công ty TNHH VVT Việt Nam	38%	Số 6, ngách 44/1/54 Phố Bằng B, Phường Hoàng Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty TNHH Năng lượng mặt trời Nghiêm Văn	46%	Tầng 1, Tòa nhà Licogi 13 Đơn Nguyên A, Số 164 Khuất Duy Tiến, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	47%	Số 5C, Ngách 445/10 Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH NVP Việt Nam	48%	Thôn Bon Bu M'Lanh B, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
5	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	40%	Thôn Rừng Lạnh, Xã Đắc Song, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Công ty nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các công ty con gián tiếp, công ty liên kết gián tiếp này thông qua các công ty con trực tiếp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty và các công ty con là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty và công ty con đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
công cụ dụng cụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phương tiện truyền dẫn	6 - 10 năm
Tấm pin mặt trời	15 - 20 năm

3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty và các công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là không nhất thời. Một công ty có thể chịu sự kiểm soát bởi một cá nhân hoặc nhóm cá nhân theo một thỏa thuận hợp đồng.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- ▶ Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh;
- ▶ Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty và các công ty con không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty và khách hàng và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng điện mua bán hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Đơn giá bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty con liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty con liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Người đại diện theo pháp luật xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty và các công ty con là ở Việt Nam. Do đó, Công ty và các công ty con không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các Công ty và các công ty con hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

4.1. Thoái vốn toàn bộ trong Công ty TNHH Apollo Power 2, công ty con

Vào ngày 14 tháng 10 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Apollo Power 2 cho một cá nhân với giá 11.000.000.000 VND, qua đó, Công ty TNHH Apollo Power 2 không còn là công ty con của Công ty từ ngày này.

4.2. Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha

Theo Nghị quyết số 09.1/2025/HIO/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua việc đầu tư góp vốn 4.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, tương đương với 9,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha ("Công ty Alpha"). Công ty đã hoàn thành giao dịch góp vốn thành lập vào ngày 13 tháng 11 năm 2025.

Công ty Alpha là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Kinh doanh Bảo hiểm Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 101/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2025. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Alpha là kinh doanh Tái Bảo Hiểm.

5. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.303.815.000	3.463.228.000
Tiền gửi ngân hàng	11.647.989.186	28.821.860.317
TỔNG CỘNG	13.951.804.186	32.285.088.317

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	12.717.198.180	41.324.375.734
- Công ty Điện lực Đắk Lắk – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	2.960.140.353	2.035.056.283
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Năng lượng OSCAR	3.450.700.012	28.079.700.012
- Công ty Điện lực Lâm Đồng – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	2.490.985.130	1.954.456.283
- Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Bình Dương	810.316.951	2.303.386.129
- Khác	3.005.055.734	6.951.777.027
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	336.960.000	777.600.000
TỔNG CỘNG	13.054.158.180	42.101.975.734
Dự phòng phải thu khó đòi	(112.274.104)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Phú Gia Construction	467.328.960	400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Trường Tiến	113.260.000	129.440.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng điện Huy Hoàng	-	252.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	-	710.988.000
Khác	56.497.393	240.996.554
TỔNG CỘNG	637.086.353	1.733.424.554

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	1.457.967.416	724.952.347
Chi phí sửa chữa mái	482.960.932	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	707.049.665	764.681.833
TỔNG CỘNG	2.647.978.013	1.489.634.180
Dài hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	8.076.242.703	1.269.704.229
Chi phí sửa chữa văn phòng	1.338.442.533	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	866.387.266	1.089.502.976
TỔNG CỘNG	10.281.072.502	2.359.207.205

8. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Các khoản đặt cọc	51.000.000	14.125.000.000
Khác	101.916.488	104.935.001
TỔNG CỘNG	152.916.488	14.229.935.001
Dài hạn		
Đặt cọc thuê mái nhà, thuê đất	10.982.800.000	8.093.600.000
TỔNG CỘNG	10.982.800.000	8.093.600.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

						Đơn vị tính: VND	
Nguyên giá:							
Số đầu năm	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện truyền dẫn	Tám pin mặt trời	Tổng cộng	
- Giảm do thoái vốn công ty con	8.055.743.108 (42.453.301)	152.872.416.235 (3.302.910.507)	102.201.818 -	86.648.448.150 (878.682.804)	245.468.504.678 (4.471.165.531)	493.147.313.989 (8.695.212.143)	
Số cuối năm	8.013.289.807	149.569.505.728	102.201.818	85.769.765.346	240.997.339.147	484.452.101.846	
Giá trị khấu hao lũy kế:							
Số đầu năm	2.547.661.849 657.329.728	55.831.899.388 14.273.874.702	50.093.537 34.067.268	33.020.722.231 9.041.242.208	63.275.871.096 15.558.204.017	154.726.248.101 39.564.717.923	
- Khấu hao trong năm	(13.443.564)	(1.407.225.690)	-	(417.374.292)	(1.415.869.113)	(3.253.912.659)	
- Giảm do thoái vốn công ty con	3.191.548.013	68.698.548.400	84.160.805	41.644.590.147	77.418.206.000	191.037.053.365	
Số cuối năm	5.508.081.259	97.040.516.847	52.108.281	53.627.725.919	182.192.633.582	338.421.065.888	
Giá trị còn lại:							
Số đầu năm	4.821.741.794	80.870.957.328	18.041.013	44.125.175.199	163.579.133.147	293.415.048.481	
Số cuối năm							

Công ty và các công ty con đã sử dụng toàn bộ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà (tám pin năng lượng mặt trời, khung giá đỡ tám pin và một số tài sản khác) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

Nhà cửa, vật kiến trúc

Nguyên giá:

Số đầu năm 35.093.712.424

Số cuối năm 35.093.712.424

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm 8.944.854.905

- Hao mòn trong năm 2.394.915.712

Số cuối năm 11.339.770.617

Giá trị còn lại:

Số đầu năm 26.148.857.519

Số cuối năm 23.753.941.807

Bất động sản đầu tư của Công ty và các công ty con bao gồm hệ thống khung giàn nhà xưởng do Công ty và các công ty con sở hữu và vận hành cho thuê.

Công ty và các công ty con chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý.

Công ty và các công ty con đã sử dụng toàn bộ bất động sản đầu tư làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 17.

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

11.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Đơn vị tính: VND						
	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Tổng cộng
Giá trị đầu tư:						
Số đầu năm	3.933.000.000	3.337.000.000	4.225.100.000	4.018.200.000	4.026.400.000	19.539.700.000
Số cuối năm	3.933.000.000	3.337.000.000	4.225.100.000	4.018.200.000	4.026.400.000	19.539.700.000
Phản lũy kế lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua công ty liên kết:						
Số đầu năm	(72.871.680)	(198.639.152)	311.768.722	169.569.960	144.998.587	354.826.437
- Phản lợi nhuận từ công ty liên kết	9.141.498	45.367.427	185.803.066	135.329.540	114.910.649	490.552.180
Số cuối năm	(63.730.182)	(153.271.725)	497.571.788	304.899.500	259.909.236	845.378.617
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	3.860.128.320	3.138.360.848	4.536.868.722	4.187.769.960	4.171.398.587	19.894.526.437
Số cuối năm	3.869.269.818	3.183.728.275	4.722.671.788	4.323.099.500	4.286.309.236	20.385.078.617

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các công ty này chưa niêm yết.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết cũng như tỷ lệ sở hữu của Công ty và các công ty con tại các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 1.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

11.2 Đầu tư vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị ghi sổ Dự phòng
Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha	9,2%	9,2%	46.000.000.000	-	-	-
TỔNG CỘNG			46.000.000.000	-	-	-

Theo Nghị quyết số 09.1/2025/HIO/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua việc đầu tư góp vốn 4.600.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần, tương đương với 9,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha. Công ty đã hoàn thành giao dịch góp vốn thành lập vào ngày 13 tháng 11 năm 2025.

Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Kinh doanh Bảo hiểm Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 101/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 19 tháng 11 năm 2025. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Alpha là kinh doanh tái bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Tình hình tăng, giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Duy Định Việt Nam	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:						
Số đầu năm	653.812.196	817.205.281	595.896.948	672.236.435	227.644.870	2.966.795.730
Số cuối năm	653.812.196	817.205.281	595.896.948	672.236.435	227.644.870	2.966.795.730
Phân bổ lũy kế:						
Số đầu năm	168.901.485	211.111.364	153.940.045	173.661.081	58.808.260	766.422.235
- Phân bổ trong năm	65.381.220	81.720.528	59.589.696	67.223.640	22.764.492	296.679.576
Số cuối năm	234.282.705	292.831.892	213.529.741	240.884.721	81.572.752	1.063.101.811
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	484.910.711	606.093.917	441.956.903	498.575.354	168.836.610	2.200.373.495
Số cuối năm	419.529.491	524.373.389	382.367.207	431.351.714	146.072.118	1.903.693.919

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công Ty Cổ Phần S-Home Việt Nam	945.517.936	945.517.936	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	494.515.200	494.515.200	-	-
Công ty TNHH Hãng kiểm toán AMA	290.088.000	290.088.000	563.112.000	563.112.000
Công ty Cổ phần Amber Capital	-	-	168.687.750	168.687.750
Phải trả đối tượng khác	704.238.463	704.238.463	735.093.921	735.093.921
TỔNG CỘNG	2.434.359.599	2.434.359.599	1.466.893.671	1.466.893.671

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Giảm do thoái vốn công ty con	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	364.438.238	1.266.253.491	1.369.693.568	-	260.998.161
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.404.694.192	1.764.261.498	4.404.694.192	10.199.442	1.754.062.056
Thuế thu nhập cá nhân	136.206.756	558.337.317	611.531.520	-	83.012.553
Thuế môn bài	-	79.000.000	79.000.000	-	-
TỔNG CỘNG	4.905.339.186	3.667.852.306	6.464.919.280	10.199.442	2.098.072.770

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ vận hành và bảo trì	1.604.528.548	2.048.453.449
Chi phí lãi vay	204.524.739	271.750.712
Các khoản trích trước khác	586.250.000	1.090.920.846
TỔNG CỘNG	2.395.303.287	3.411.125.007

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	234.943.707	-
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.686.300.878	805.881.788
Sử dụng trong năm	(650.946.384)	(570.938.081)
Số cuối năm	1.270.298.201	234.943.707

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm		Phân loại lại theo lịch trả nợ		Giảm do thoái vốn công ty con	Số cuối năm
		Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn							
Vay cá nhân	17.1	520.000.000	2.440.000.000	2.620.000.000	-	-	340.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	17.2	65.097.000.000	5.484.300.000	74.123.600.000	70.522.900.000	845.000.000	66.135.600.000
		65.617.000.000	7.924.300.000	76.743.600.000	70.522.900.000	845.000.000	66.475.600.000
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng và công ty tài chính	17.2	175.143.705.058	56.760.016.852	52.974.616.852	-	70.522.900.000	105.757.205.058
		175.143.705.058	56.760.016.852	52.974.616.852	-	70.522.900.000	105.757.205.058
TỔNG CỘNG		240.760.705.058	64.684.316.852	129.718.216.852	70.522.900.000	3.494.000.000	172.232.805.058

17.1 Vay cá nhân

Đây là các khoản vay tín chấp từ cá nhân với thời hạn dưới 1 năm, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào tháng 7 năm 2026. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 10%/năm, lãi vay trả cuối kỳ.

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay ngân hàng và công ty tài chính dài hạn

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long	59.999.500.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 11 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	6,6%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	13.260.000.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 10 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Quyền phát sinh từ việc khai thác, kinh doanh, vận hành một số dự án điện mặt trời; - Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con gián tiếp theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền sử dụng đất của một số cá nhân.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	33.840.493.976	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 7 năm 2029. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7,1% - 7,9%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty và một số công ty con; - 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power - công ty mẹ của Công ty; - Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý một số dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Vay ngắn hạn và công ty tài chính dài hạn (tiếp theo)

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi vay	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực – Chi nhánh Hà Nội (tên cũ Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực – Chi nhánh Hà Nội)	26.807.008.426	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 8 năm 2032. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	10,5%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Quyền phát sinh từ việc khai thác, kinh doanh, vận hành một số dự án điện mặt trời; - Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con gián tiếp theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền sử dụng đất của một số cá nhân. - Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê	24.435.802.656	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 6 năm 2030. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	8,4%	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	9.580.000.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 6 năm 2029. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7,6% - 7,9%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý một số dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.
Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực (tên cũ Công ty Tài chính Cổ phần Điện)	3.970.000.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 11 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	8,88%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty.
TỔNG CỘNG	171.892.805.058			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	66.135.600.000			
Vay dài hạn	105.757.205.058			

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần đã phát hành	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước				Tổng cộng
Số đầu năm	210.000.000.000	8.331.664.665	15.286.787.197	233.618.451.862
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	21.078.760.980	21.078.760.980
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(805.881.788)	(805.881.788)
Số cuối năm	210.000.000.000	8.331.664.665	35.559.666.389	253.891.331.054
Năm nay				
Số đầu năm	210.000.000.000	8.331.664.665	35.559.666.389	253.891.331.054
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	13.554.717.154	13.554.717.154
- Thoái vốn công ty con	-	83.710.893	-	83.710.893
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(1.686.300.878)	(1.686.300.878)
Số cuối năm	210.000.000.000	8.415.375.558	47.428.082.665	265.843.458.223

(*) Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

18.2 *Chi tiết vốn cổ phần*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng giá trị (VND)	Cổ phiếu thường	Tổng giá trị (VND)	Cổ phiếu thường
Công ty Cổ phần Helio Power	145.560.000.000	14.556.000	145.560.000.000	14.556.000
Vốn góp của các cổ đông khác	64.440.000.000	6.444.000	64.440.000.000	6.444.000
TỔNG CỘNG	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Số cuối năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	-	-

18.4 Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	Số cổ phần	Số cổ phần
Cổ phiếu đã được duyệt	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (Ngày 1 tháng 1 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu).

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	109.611.227.676	119.299.308.527
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán điện	93.105.388.920	100.487.685.023
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	14.023.455.280	14.111.420.120
Doanh thu cho thuê	2.482.383.476	4.700.203.384
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	109.611.227.676	119.299.308.527
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên khác	108.111.552.676	114.482.572.307
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	1.499.675.000	4.816.736.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán điện	57.387.176.353	53.538.671.869
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	8.868.539.731	8.585.523.073
Giá vốn hoạt động cho thuê	2.692.630.384	5.112.909.464
TỔNG CỘNG	68.948.346.468	67.237.104.406

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.427.819.997	22.337.945.816
Chi phí tài chính khác	371.765.203	527.028.564
TỔNG CỘNG	15.799.585.200	22.864.974.380

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.786.670.531	2.221.884.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	152.645.196	152.645.196
Dự phòng phải thu khó đòi	112.274.104	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.675.855.359	4.810.011.643
Phân bổ lợi thế thương mại	296.679.576	588.130.691
Chi phí khác	87.128.432	168.449.694
TỔNG CỘNG	9.111.253.198	7.941.121.990

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	347.753.310	5.755.882.421
Lãi thanh lý tài sản	-	4.924.286.116
Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng giấy chứng nhận năng lượng tái tạo	346.194.086	300.156.630
Các khoản khác	1.559.224	531.439.675
Chi phí khác	247.288.431	1.237.241.547
Tiền chậm nộp thuế TNDN	85.294.676	935.136.186
Các khoản khác	161.993.755	302.105.361
LỢI NHUẬN KHÁC	100.464.879	4.518.640.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	11.429.447.658	9.087.323.392
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	42.256.313.211	44.844.339.874
Dự phòng phải thu khó đòi	112.274.104	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.134.211.494	20.569.021.917
Chi phí khác	127.353.199	289.979.214
TỔNG CỘNG	78.059.599.666	74.790.664.397

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con được quy định theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ("Luật số 67") do Quốc hội ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. Theo đó, Công ty và các công ty con áp dụng các mức thuế suất theo Luật số 67 ban hành khi lập báo cáo tài chính hợp nhất này là 15% lợi nhuận chịu thuế áp dụng đối với các công ty có tổng doanh thu một năm không quá 3 tỷ VND, và 17% lợi nhuận chịu thuế áp dụng đối với các công ty có tổng doanh thu một năm từ trên 3 tỷ VND đến không quá 50 tỷ VND, ngoại trừ các trường hợp sau:

- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại một số xã thuộc tỉnh Lâm Đồng (trước đó là tỉnh Đắk Nông) được hưởng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 10% trong 15 năm đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 4 năm đầu tiên từ thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2021) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2025).
- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại xã Hàm Thuận Nam, tỉnh Lâm Đồng (trước đây là tỉnh Bình Thuận) được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 2 năm đầu tiên từ thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2021) và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2023).

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.375.251.392	27.387.695.380
Các khoản điều chỉnh		
Chi phí không được trừ	695.243.655	2.554.007.865
Chuyển lãi vay không được trừ các năm trước sang chi phí lãi vay được trừ trong năm	(5.925.180.716)	(5.234.221.039)
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	1.294.914.240	963.500.469
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	12.440.228.571	25.670.982.675
<i>Trong đó</i>		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	-	21.923.690.295
Thu nhập chịu thuế suất 17%	9.035.484.380	-
Thu nhập chịu thuế suất 15%	494.751.835	-
Thu nhập chịu thuế suất 10%	-	199.561.353
Thu nhập chịu thuế suất 10% và giảm 50%	2.666.656.372	-
Thu nhập chịu thuế suất 17% và giảm 50%	243.335.984	-
Thu nhập được miễn, giảm thuế	-	3.547.731.027
Chi phí thuế TNDN trước điều chỉnh năm trước	1.764.261.498	4.404.694.192
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	-	4.730.105.253
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.764.261.498	9.134.799.445

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước thể hiện như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lãi vay không được khấu trừ	661.838.012	1.855.871.731	(1.194.033.719)	1.855.871.731
Chênh lệch đánh giá lại tài sản từ hợp nhất kinh doanh	386.198.319	415.314.391	(29.116.073)	415.314.391
Chênh lệch khấu hao tài sản	124.939.707	100.461.451	24.478.256	100.461.451
	1.172.976.038	2.371.647.573		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch đánh giá lại tài sản từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	(176.437.440)
Các khoản dự phòng đầu tư vào các công ty con	207.021.339	349.420.134	(142.398.795)	(277.780.032)
	207.021.339	349.420.134		
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			(1.056.272.740)	2.825.865.045

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Công ty và các công ty con trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc/Người đại diện quản lý vốn góp của công ty mẹ
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập HĐQT
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Đức	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH VTT Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

		Đơn vị tính: VND	
Bên liên quan	Năm nay	Năm trước	
Doanh thu cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần Helio Power	-	420.000.000	
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	301.200.000	288.000.000	
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	300.375.000	288.000.000	
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	300.100.000	288.000.000	
Công ty TNHH VVT Việt Nam	299.550.000	288.000.000	
Công ty TNHH NVP Việt Nam	298.450.000	288.000.000	
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	218.258.740	
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Không còn là bên liên quan	217.238.740	
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Không còn là bên liên quan	217.238.740	
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Không còn là bên liên quan	144.000.000	
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000	
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Không còn là bên liên quan	144.000.000	
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000	
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000	
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000	
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Không còn là bên liên quan	144.000.000	
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Không còn là bên liên quan	144.000.000	
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000	
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000	
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000	
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000	
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000	
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000	
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000	
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000	
TỔNG CỘNG	1.499.675.000	4.816.736.220	
Mua hàng và sử dụng dịch vụ			
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	467.883.870	
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	2.455.800	
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Không còn là bên liên quan	1.407.312	
TỔNG CỘNG	-	471.746.982	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty và các công ty con mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và các công ty con (tại ngày 1 tháng 1 năm 2025: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6.1) – Cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Đầu Tư Năng Lượng NNL Việt Nam	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	77.760.000	155.520.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	25.920.000	155.520.000
TỔNG CỘNG	336.960.000	777.600.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thù lao của Hội đồng Quản trị	240.000.000	257.500.000
Bà Nguyễn Thị Lan	-	35.000.000
Ông Phan Thành Đạt	120.000.000	102.500.000
Ông Nguyễn Thanh Long	60.000.000	60.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	60.000.000	60.000.000
Lương, thưởng và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	2.340.878.062	1.740.285.998
Ông Phan Thành Đạt	-	223.789.739
Ông Bùi Tuấn Dương	850.641.600	615.129.900
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	909.658.000	629.605.667
Bà Lê Thị Trang	580.578.462	271.760.692
Thù lao của Ban Kiểm soát	132.000.000	132.000.000
Ông Trần Minh Đức	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	36.000.000	36.000.000
TỔNG CỘNG	2.712.878.062	2.129.785.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.554.717.154	21.078.760.980
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.686.300.878)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	13.554.717.154	19.392.460.102
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.000.000	21.000.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	645	923
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	645	923

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2025 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau, bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- ▶ Bộ phận sản xuất điện;
- ▶ Bộ phận cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý;
- ▶ Bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê hoạt động và hoạt động nông nghiệp.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng xác định hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

Công ty Cổ phần Helio Energy

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động sản xuất điện	Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Hoạt động khác	Điều chỉnh	Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Doanh thu	93.105.388.920	14.023.455.280	2.482.383.476	-	109.611.227.676
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	-	9.684.875.000	-	(9.684.875.000)	-
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	93.105.388.920	23.708.330.280	2.482.383.476	(9.684.875.000)	109.611.227.676
Tổng doanh thu					
Kết quả	35.718.212.567	5.154.915.549	(210.246.908)	-	40.662.881.208
Lợi nhuận thuần trước thuế					(24.287.629.816)
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)					16.375.251.392
Lợi nhuận thuần trước thuế					(1.764.261.498)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(1.056.272.740)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại					13.554.717.154
Lợi nhuận thuần sau thuế					
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	44.021.048.357	-	2.394.915.712	-	46.415.964.069
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	355.515.081.362	2.978.743.421	3.712.672.922	-	362.206.497.705
Tài sản không phân bổ (ii)					85.371.638.519
Tổng tài sản					447.578.136.224
Công nợ bộ phận	578.501.315	2.021.882.748	234.097.933	-	2.834.481.996
Công nợ không phân bổ (iii)					178.900.196.005
Tổng công nợ					181.734.678.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau (tiếp theo):

	Hoạt động sản xuất điện	Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	Hoạt động khác	Điều chỉnh	Đơn vị tính: VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	100.487.685.023	14.111.420.120	4.700.203.384	-	119.299.308.527
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	9.652.625.600	-	(9.652.625.600)	-
Tổng doanh thu	100.487.685.023	23.764.045.720	4.700.203.384	(9.652.625.600)	119.299.308.527
Kết quả					
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế và thu nhập/(chi phí) không phân bổ của bộ phận	46.949.013.154	5.525.897.047	(412.706.080)	-	52.062.204.121
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)					(24.674.508.741)
Lợi nhuận thuần trước thuế					27.387.695.380
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(9.134.799.445)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại					2.825.865.045
Lợi nhuận thuần sau thuế					21.078.760.980
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chỉ phí trả trước dài hạn	40.724.278.923	-	4.520.232.700	-	45.244.511.623
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	392.972.174.841	8.324.108.000	54.228.557.531	-	455.524.840.372
Tài sản không phân bổ (ii)					49.957.667.445
Tổng tài sản	1.224.742.486	1.985.716.691	73.250.000	-	505.482.507.817
Công nợ bộ phận					3.283.709.177
Công nợ không phân bổ (iii)					248.307.467.586
Tổng công nợ					251.591.176.763

- (i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và thu nhập khác và chi phí khác.
- (ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản trả trước và phải thu khác.
- (iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay không dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, quỹ khen thưởng phúc lợi và thuế TNDN hoãn lại phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty và các công ty con thuê văn phòng, thuê đất, thuê mái nhà và thuê các thiết bị theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty và các công ty con theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	5.761.960.562	18.588.789.861
Từ 1 – 5 năm	26.895.607.555	22.345.046.646
Trên 5 năm	24.918.813.419	31.863.155.293
TỔNG CỘNG	57.576.381.536	72.796.991.800

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty và các công ty con hiện đang cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	4.290.999.990	5.042.999.990
Từ 1 - 5 năm	2.644.250.000	5.040.500.000
TỔNG CỘNG	6.935.249.990	10.083.499.990

Cam kết liên quan đến việc mua cổ phần

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt chủ trương nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành với tỷ lệ chuyển nhượng cổ phần dự kiến tối đa là 60%. Nguồn sử dụng để nhận chuyển nhượng cổ phần là nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và/hoặc nguồn khác. Công ty cam kết sử dụng toàn bộ tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần SD Trường Thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 04/2026/HIO/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty Cổ phần Helio Energy với tổng số 21.000.000 cổ phiếu chào bán, giá phát hành 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày 16 tháng 3 năm 2026, Công ty đã nhận được Công văn số 2044/UBCK-QLCB của Ủy ban chứng khoán nhà nước về việc báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty, theo đó, Công ty đã thực hiện phân phối 21.000.000 cổ phiếu, chiếm 100% tổng số lượng cổ phiếu chào bán.

Theo Nghị quyết số 05/2026/HIO/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 3 năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua giao dịch nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần SD Trường Thành. Công ty đã hoàn thành giao dịch nhận chuyển nhượng vào ngày 16 tháng 3 năm 2026 với tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty Cổ phần SD Trường Thành là 59,32% vốn điều lệ.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 18 tháng 3 năm 2026



Đỗ Thị Trang
Người lập biểu



Lê Thị Trang
Kế toán trưởng



Phan Thành Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị